

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/KDTM-ST
Ngày: 31 – 7 – 2020.
V/v: Tranh chấp hợp đồng đại lý.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thừa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Lươl
2. Ông Trương Văn Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Mạch Văn Hiểu - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2020/TLST-KDTM ngày 11 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng đại lý” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2020/QĐST-KDTM ngày 20 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn thức ăn chăn nuôi TB; trụ sở chính: Cụm công nghiệp LĐ, xã LC, huyện C, tỉnh A.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn K - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn G - Chức vụ: Giám đốc khu vực; địa chỉ: Ấp VL, xã VQ, thị xã N, tỉnh T.

- Bị đơn: Đại lý Nguyễn Thị Hồng N; địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Hồng N; cư trú tại: Ấp M, xã H, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn G là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/11/2017 Công ty trách nhiệm hữu hạn thức ăn chăn nuôi TB (gọi tắt là Công ty TB) có ký kết hợp đồng đại lý tiêu thụ sản phẩm số 032 LM HG 2017-HĐDLTTSP/TBVN với Đại lý của bà Nguyễn Thị Hồng N để làm đại lý tiêu thụ phân phối sản phẩm là thức ăn chăn nuôi nhãn hiệu: TECHBANK. Sau khi ký kết hợp đồng thì phía bên Công ty và Đại lý của chị Hồng N thực hiện giao dịch như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Đến ngày 31/10/2019 giữa Công ty TB với bà Nguyễn Thị Hồng N có đối chiếu và xác nhận công nợ tính đến ngày 31/10/2019 thì Đại lý của bà Hồng N còn nợ Công ty số tiền 50.119.550đ. Bà Hồng N cam kết sẽ thanh toán hết khoản nợ này nhưng cho đến nay bà Hồng N vẫn không thanh toán. Nay Công ty trách nhiệm hữu hạn thức ăn chăn nuôi TB yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng N trả số tiền còn nợ 50.119.550đ, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Hồng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa, ông Trần Văn G là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác nhận ngày 24/7/2020 bị đơn có thanh toán cho Công ty được số tiền 15.000.000đ, chỉ còn nợ lại 35.119.550đ. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền mua hàng còn nợ 35.119.550đ, không yêu cầu tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do căn cứ Điều 227, 228, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ “Hợp đồng đại lý tiêu thụ sản phẩm số 032 LM HG 2017-HĐDLTTSP/TBVN” lập ngày 01 tháng 11 năm 2017 và “Biên bản xác nhận công nợ” lập ngày 31 tháng 10 năm 2019; xác định bị đơn có thực hiện giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi với Công ty TB, còn nợ số tiền 50.119.550đ. Đến ngày 24/7/2020 bị đơn có thanh toán cho Công ty được số tiền 15.000.000đ, chỉ còn nợ lại 35.119.550đ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền mua hàng còn nợ 35.119.550đ; nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét. Về án phí, buộc đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Các đương sự tranh chấp với nhau về việc thực hiện hợp đồng đại lý tiêu thụ sản phẩm là thức ăn chăn nuôi còn nợ số tiền 35.119.550đ chưa thanh toán. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng đại lý”. Căn cứ theo quy định tại Điều 30, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[2]. Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N là người đại diện theo pháp luật của đại lý đã được triệu hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa hôm nay vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn những vẫn đảm bảo quyền lợi của đương sự theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định:

[3.1]. Ngày 01/11/2017 Công ty trách nhiệm hữu hạn thức ăn chăn nuôi TB có ký kết hợp đồng đại lý tiêu thụ sản phẩm với Đại lý Nguyễn Thị Hồng N do bà Nguyễn Thị Hồng N là người đại diện theo pháp luật để làm đại lý tiêu thụ phân phối sản phẩm là thức ăn chăn nuôi nhãn hiệu TECHBANK. Sau khi ký kết hợp đồng hai bên đã thực hiện giao dịch như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Đến ngày 31/10/2019 giữa Công ty TB và bà Nguyễn Thị Hồng N có đối chiếu và hai bên xác nhận công nợ tính đến ngày 31/10/2019 thì phía đại lý của bà Nguyễn Thị Hồng N còn nợ Công ty số tiền 50.119.550đ. Bà Hồng N cam

kết sẽ thanh toán hết khoản nợ này cho Công ty nhưng cho đến nay vẫn không thanh toán, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty.

[3.2]. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án bản “Hợp đồng đại lý tiêu thụ sản phẩm số 032 LM HG 2017-HĐDLTTSP/TBVN” lập ngày 01 tháng 11 năm 2017 và “Biên bản xác nhận công nợ” lập ngày 31 tháng 10 năm 2019 có thể hiện chữ ký của bà Nguyễn Thị Hồng N. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà Hồng N nhiều lần để ghi nhận ý kiến, tham gia các phiên họp, phiên hòa giải cũng như đã thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn biết về những chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp. Đồng thời đã thông báo cho bị đơn về việc nếu không thống nhất với các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp thì có quyền cung cấp tài liệu, chứng cứ khác để chứng minh nhưng phía bị đơn không có ý kiến, cũng như không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án xem xét nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “... Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc...”. Do đó, tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp là cơ sở để Tòa án chấp nhận xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.3]. Mặt khác, theo nguyên đơn thừa nhận thì vào ngày 24/7/2020 phía bị đơn có thanh toán cho Công ty được số tiền 15.000.000đ, hiện chỉ còn nợ 35.119.550đ; Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của nguyên đơn làm cơ sở giải quyết vụ án. Như vậy, có căn cứ xác định bị đơn còn nợ tiền hàng của nguyên đơn 35.119.550đ chưa thanh toán là sự thật; nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền mua hàng còn nợ 35.119.550đ. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn phải chịu 3.000.000đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, 35, 39, 147, 227, 228, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166, 168, 171, 175 Luật thương mại năm 2005.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thức ăn chăn nuôi TB.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng N là người đại diện theo pháp luật của Đại lý Nguyễn Thị Hồng N có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thức ăn chăn nuôi TB số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ 35.119.550đ (ba mươi lăm triệu một trăm mười chín nghìn năm trăm năm mươi đồng).

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hồng N là người đại diện theo pháp luật của Đại lý Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 3.000.000đ (ba triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty trách nhiệm hữu hạn thức ăn chăn nuôi TB được nhận lại 3.000.000đ (ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001702 lập ngày 11/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/7/2020). Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, tổng đạt theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Long Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Thừa